

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2020/HSST

Ngày: 14/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Ái Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bội Nhu.

2. Ông Nguyễn Văn Đô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P – tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B, Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 210/2020/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN R, Sinh năm: 1966 tại tỉnh Phú Yên.

Nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn Đ, xã Hòa T, thị xã Đ, tỉnh P; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thị N. Có vợ và 02 con.

Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 19/8/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1984. Trú tại: thôn 1, xã H, thị xã Đ, tỉnh P (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn R và chị Trần Thị Mỹ H (sinh năm 1984, HKTT: thôn 1, xã H, thị xã Đ, tỉnh P; Tạm trú: Khu phố 5, phường Đ, thành phố P) sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 (không đăng ký kết hôn) tại nhà trọ địa chỉ 25/7 đường Trần L (thuộc khu phố 5, phường Đ, thành phố P), cả hai đều làm nghề bán vé số, tuy chung sống như vợ chồng nhưng bị cáo R và chị Hội không có tài sản chung, số tiền kiếm được của ai thì người đó tiêu xài. Do thiếu nợ nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị Hội để trong két sắt ở trong phòng ngủ tại nhà trọ. Vào khoảng 4 giờ 30 phút ngày 16/8/2020, bị cáo R điều khiển xe mô tô biển số 78F5 – 4669 từ nhà trọ đến

thị trấn T, huyện H, tỉnh B để giao vé số từ đại lý cho những người bán vé số. Sau khi giao xong, bị cáo R đi vào khu vực vườn thanh long nhà ông T (chưa xác định được nhân thân), tại đây có căn nhà không có người ở, bị cáo R giấu chiếc xe mô tô biển số 78F5 – 4669 ở đây. Sau đó, bị cáo bắt xe ôm về lại phòng trọ nhằm mục đích trộm cắp tài sản, khi đi bị cáo mang theo chiếc xà beng được quấn bằng giấy báo (bị cáo R nhặt trên đường và được giấu trong căn nhà hoang ở vườn thanh long nhà ông T). Khi về đến nhà trọ thấy không có chị H ở nhà, bị cáo lấy chìa khóa mở cửa cổng đi vào nhà bằng cửa sổ bên hông, sau đó đến phòng ngủ của chị H, bị cáo lấy chiếc kết sắt của chị H mang ra giữa nhà và dùng xà beng để cạy kết sắt. Cạy được khoảng 15 phút thì kết sắt mở, bị cáo thấy bên trong kết sắt có 02 ngăn, ngăn trên có 02 ví đựng tiền (gồm ví màu đen và ví màu đỏ), ngăn dưới có 02 hộp màu đỏ đựng 03 nhẫn vàng. Sau đó, bị cáo đi đến tủ gỗ của chị H dùng cây xà beng cạy tủ ra thấy 01 hộp màu đỏ bên trong có 01 nhẫn vàng. Bị cáo không đếm tiền và vàng mà nhanh chóng bỏ tất cả tiền, vàng vào túi nylon màu đỏ đã chuẩn bị sẵn trước đó và đi ra ngoài. Bị cáo đi bộ đến công viên công chữ Y và bắt taxi đến căn nhà hoang trong vườn thanh long của ông Tám, nơi mà bị cáo giấu xe mô tô biển số 78F5 – 4669 để cất giấu số tài sản mà bị cáo vừa trộm được. Khi đến căn nhà hoang, bị cáo R chôn bọc nylon đựng tiền và vàng dưới đất bên trong căn nhà, che phủ bằng lá cây và đá lên trên. Sau đó, điều khiển xe mô tô biển số 78F5 – 4669 về lại P để gặp chị H cùng ăn sáng và tiếp tục bán vé số.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, chị H về lại phòng trọ thì phát hiện phòng trọ bị kẻ gian đột nhập và lấy trộm tài sản nên đã trình báo Công an phường Đ. Công an phường Đ đã triệu tập bị cáo R đến làm việc và bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của chị H. Đồng thời, bị cáo tự nguyện chỉ nơi cất giấu tài sản cho Công an phường Đ thu hồi để khắc phục hậu quả.

Vật chứng vụ án:

- Tiền mệnh giá 100.000 đồng số lượng 36 tờ polime
- Tiền mệnh giá 200.000 đồng số lượng 16 tờ Polime
- Tiền mệnh giá 500.000 đồng số lượng 10 tờ polime
- Tiền mệnh giá 20.000 đồng số lượng 53 tờ polime
- Tiền mệnh giá 10.000 đồng số lượng 30 tờ polime
- Tổng cộng số tiền 13.160.000 đồng
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng trên mặt nhẫn có gắn đá màu đỏ, trắng;
- 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng bên trong có khắc chữ K;
- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng bên trong nhẫn có khắc chữ K.

Tài sản nêu trên do Nguyễn Văn R giao nộp, đây là tài sản Ra trộm cắp của chị H.

- 01 chiếc kết sắt (đã bị hư hỏng); 01 cây thanh kim loại; 02 hộp nhựa và 02 nắp nhựa màu đỏ (được thu tại hiện trường).

- Số tiền 2.070.000 đồng (do Nguyễn Văn R giao nộp, bị cáo khai nhận đây là tiền của bị cáo).

Tại giấy kết quả thử nghiệm số 25092020/08/PNJL – TNV ngày 25/9/2020 của Công ty TNHH MTV giám định PNJ xác định:

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng phía trên mặt nhẫn có gắn đá màu đỏ và màu trắng, khối lượng 5,19g, loại đá không có giá trị, hàm lượng vàng 0,0%.

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng phía bên trong mặt nhẫn có khắc chữ K, trọng lượng 0,300 chỉ, khối lượng 1,12g, hàm lượng vàng 97,45%.

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng phía bên trong mặt nhẫn có khắc chữ K, trọng lượng 0,498 chỉ, khối lượng 1,86g, hàm lượng vàng 97,17%.

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng phía bên trong mặt nhẫn có khắc chữ K, trọng lượng 0,292 chỉ, khối lượng 1,09g, hàm lượng vàng 97,78%.

Công ty cổ phần vàng bạc đá quý P (PNJ) cung cấp giá vàng theo giấy kết quả thử nghiệm số 25092020/08/PNJL – TNV ngày 16/8/2020 cụ thể như sau:

- Vàng 97,17% có giá 5.169.000 đồng/chỉ

- Vàng 97,78% có giá 5.202.000 đồng/chỉ

- Vàng 97,45% có giá 5.184.000 đồng/chỉ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 221/KL-HĐĐG ngày 02/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng trên mặt nhẫn có gắn đá màu đỏ và màu trắng; 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng phía bên trong mặt nhẫn có khắc chữ K trọng lượng 0,498 chỉ; 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng phía bên trong mặt nhẫn có khắc chữ K trọng lượng 0,292 chỉ; 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng phía bên trong mặt nhẫn có khắc chữ Kim CaTy trọng lượng 0,300 chỉ. Tổng giá trị tài sản là 5.723.346 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 256/KL – HĐĐG ngày 23/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Tp P xác định: 01 chiếc kết sắt, kích thước 55cm x 44cm x 60cm có tỷ lệ thiệt hại là 50%, có giá trị là 250.000 đồng.

Về dân sự: bị hại Trần Thị Mỹ H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ra không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn R đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 172/CT - VKS ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn R phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn R đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo biết việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, bất chấp hậu quả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn R phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R với mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại Trần Thị Mỹ H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự nên không buộc bị cáo phải bồi thường.

Bị cáo Ra không trình bày lời bào chữa, không tranh luận gì với Kiểm sát viên đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời kết tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn R: sau khi phạm tội bị cáo rất ân hận về hành vi đã thực hiện mong Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hứa sẽ học tập rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra Công an thành phố P, cũng như lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 16/8/2020, tại khu phố 5, phường Đức Long, thành phố P, bị cáo Nguyễn Văn R đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 13.160.000 đồng và 04 nhẫn vàng trị giá 5.723.346 đồng của chị Trần Thị Mỹ Hội. Tổng trị giá tài sản bị cáo Ra chiếm đoạt của chị Hội là 18.883.346 đồng.

Do vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn R đã thực hiện như đã nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Nguyễn Văn R vì động cơ tư lợi cá nhân, vì muốn có tiền để trả nợ mà bị cáo đã có ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại trước đó nên đã lên sẵn kế hoạch để thực hiện hành vi, bị cáo cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến quan hệ về quyền sở hữu hợp pháp của công dân mà còn gây mất trật tự trị an địa phương. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và cũng là để giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, xét thấy tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự do Nguyễn Văn R đã chỉ nơi cất giấu tài sản để cơ quan Công an tiến hành thu hồi nhằm khắc phục hậu quả, Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa bị cáo khai, sau khi bị cáo bị Công an phường Đức Long mời đến trụ sở làm việc, do bị cáo xác định không thể chối tội được nên đã khai về việc mình đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại và đồng thời chỉ chỗ cất giấu tài sản với Công an phường Đức long, nên không thuộc trường hợp người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, do đó không áp dụng tình tiết này đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 13.160.000 đồng, 04 chiếc nhẫn nêu trên, 02 hộp nhựa màu đỏ, 02 nắp nhựa màu đỏ và 01 cái kết sắt cho chị Trần Thị Mỹ H. Chị Hội đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo Ra bồi thường gì thêm về dân sự. Đối với thiệt hại của chiếc kết sắt chị Hội cũng không yêu cầu bồi thường.

Đối với 01 cây thanh kim loại có kích thước 1m35cm x 0m09cm do không còn giá trị sử dụng, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự quyết định tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 2.070.000 đồng là tiền của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, áp dụng khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án phí, sau khi thi hành xong án phí, số tiền còn lại trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 USB chứa đoạn video thể hiện Nguyễn Văn R thừa nhận hành vi phạm tội của mình được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án để phục vụ việc xét xử.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Quá trình điều tra chị Trần Thị Mỹ H khai ngoài tài sản mà bị cáo trộm cắp bị Cơ quan điều tra thu giữ chị Hội còn bị trộm cắp 1,2 lượng vàng 9999 và số tiền 33.800.000 đồng nhưng Cơ quan điều tra chỉ chứng minh được Nguyễn Văn R đã trộm cắp của chị Hội số tiền 13.160.000 đồng và 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng trên mặt nhẫn có gắn đá màu đỏ, trắng; 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng bên trong có khắc chữ K; 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng bên trong nhẫn có khắc chữ K.

Nay chị Hội không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn R phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn R 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/8/2020.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây thanh kim loại có kích thước 1m 35cm x 09cm.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.070.000 để đảm bảo thi hành án phí, sau khi thi hành xong án phí, số tiền còn lại trả lại cho bị cáo.

Các vật chứng ghi trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự thành phố P quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 27 ngày 18/11/2020 và giấy nộp tiền vào tài khoản số 394901054627 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P tại kho bạc nhà nước tỉnh B.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn R phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/12/2020). Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND thành phố P;
- VKSND tỉnh B;
- TAND tỉnh B;
- Công an thành phố P;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

**TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Ái Quyên